

Bản án số: 280/2024/DS-PT  
Ngày 04-6-2024  
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

**Các Thẩm phán:** Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng;  
Ông Nguyễn Trung Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 183/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 258/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: số I, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Văn T:** Ông Hồ Quang P, sinh năm 1974; địa chỉ: số B, đường P, khu D, Phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; địa chỉ liên hệ: số C, đường C, tổ F, khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2018), có mặt.

2. Ông Lê Văn D, sinh năm 1963; địa chỉ: số I, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Lê Văn T1, sinh năm 1958; (chết ngày 09/8/2021).

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc P1; địa chỉ: số B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: số A B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Ông Lê Nguyễn Anh D1, sinh năm 1992, vắng mặt;

3. Ông Lê Nguyễn Anh T2, sinh năm 1995, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: số A B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1948; địa chỉ: số H, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Bà Võ Thị L1, sinh năm 1954; địa chỉ: số A, tổ I, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

3. Bà Lê Thị G, sinh năm 1956; địa chỉ: số A, tổ A, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

*Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị L1 và bà Lê Thị G:* Ông Lê Văn D, sinh năm 1963; địa chỉ: số I, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/5/2018), có mặt.

4. Ông Lê Văn T3, sinh năm 1969; địa chỉ: số I, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

5. Bà Võ Thị Minh H, sinh năm 1970; địa chỉ: số E, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị Minh H:* Ông Lê Văn D, sinh năm 1963; địa chỉ: số I, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/5/2018), có mặt.

6. Ông Lê Nguyễn Anh D1, sinh năm 1992, vắng mặt;

7. Ông Lê Nguyễn Anh T2, sinh năm 1995, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: số A B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

8. Văn phòng C1; địa chỉ: ô A, lô L NE8, khu đô thị V, Quốc lộ A, thị xã (nay là thành phố ) B, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phan Ngọc S – Chức vụ: Trưởng Văn phòng, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*- Người kháng cáo:* nguyên đơn ông Lê Văn T và ông Lê Văn D.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn T và ông Lê Văn D thống nhất trình bày:

Ông Lê Văn T và ông Lê Văn D có cha là cụ Lê Văn G1, sinh năm 1924, chết năm 2012 và mẹ là cụ Phạm Thị T4, chết năm 2006. Cụ G1 và cụ T4 có tổng cộng 08 người con gồm:

1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1948.
2. Ông Lê Văn S1 (Võ Văn S2), chết năm 1972. Ông S2 có vợ là bà Nguyễn Thị L2 (chết năm 2004) và 01 người con là bà Võ Thị Minh H, sinh năm 1970.
3. Bà Võ Thị L1, sinh năm 1954.
4. Bà Lê Thị G, sinh năm 1956.
5. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1958. Ông T1 chết năm 2021, có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc P1, sinh năm 1961 và 02 con là ông Lê Nguyễn Anh D1, sinh năm 1992 và ông Lê Nguyễn Anh T2, sinh năm 1995.
6. Ông Lê Văn D, sinh năm 1963.
7. Ông Lê Văn T, sinh năm 1968.
8. Ông Lê Văn T3, sinh năm 1969.

Ngoài những người con trên thì cụ G1, cụ T4 không còn người con nào khác.

Năm 2006, cụ T4 chết không để lại di chúc.

Ngày 01/12/2011, cụ G1 lập di chúc, được công chứng tại Văn phòng C1 có nội dung định đoạt các tài sản gồm:  $\frac{1}{2}$  khu đất có diện tích  $4.347m^2$  thuộc thửa đất số 94, tờ bản đồ B1 tọa lạc tại khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và phần quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Văn G1 khu đất có diện tích  $1.001,9m^2$  đã được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00125/BC ngày 16/3/2005.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất  $4.347m^2$  thuộc thửa đất số 94, tờ bản đồ B1 tọa lạc tại khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì ông D và ông T không tranh chấp trong vụ án này. Sau này, khi nào có phát sinh tranh chấp thì khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Hiện nay, ông T và ông D chỉ khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo di chúc và theo pháp luật đối với phần di sản thừa kế của cụ G1 và cụ T4 chết để lại gồm: nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích  $1.001,9m^2$  (theo kết quả đo đạc thực tế là  $1.032,5m^2$ ) thuộc thửa đất số 119, tờ bản đồ B1-2 (DC18-3) tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; cụ thể như sau:

+ Phần tài sản chung của cụ G1 và cụ T4 được chia là  $1.032,5\text{m}^2/2 = 515,25\text{m}^2$ .

+ Phần di sản của cụ T4 chia theo pháp luật là:  $515,25\text{m}^2/9 = 57,25\text{m}^2$ .

+ Phần di sản của cụ G1 để lại theo di chúc cho ông T và ông D là  $515,25\text{m}^2 + 57,25\text{m}^2 = 572,5\text{m}^2$ .

+ Những người con còn lại của cụ G1 và cụ T4 (bao gồm bà Lê Thị L, ông Lê Văn S1 (đã chết, có con là bà Võ Thị Minh H), bà Võ Thị L1, bà Lê Thị G, ông Lê Văn T1 (đã chết, có vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc P1, con là ông Lê Nguyễn Anh D1 và ông Lê Nguyễn Anh T2) và ông Lê Văn T3): mỗi người được hưởng diện tích  $57,25\text{m}^2$ .

Tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với phần đất này.

Đối với các yêu cầu phản tố, phản tố bổ sung của ông Lê Văn T1 và yêu cầu độc lập của ông Lê Văn T3 thì ông D và ông T đều không đồng ý. Vì: di chúc cụ G1 lập có hiệu lực pháp luật, nguồn gốc đất là của cụ G1 và cụ T4 nên việc ông T1, ông T3 cho rằng trong phần đất này ông T1 có công sức khai phá diện tích  $632,5\text{m}^2$  là không có cơ sở, cũng như không có chứng cứ chứng minh di chúc mà cụ G1 lập vô hiệu. Mặt khác, việc ông T1 tự nguyện bỏ tiền ra để xây dựng mô mã cho cha mẹ nhưng hiện nay lại yêu cầu các đồng thừa kế phải trả lại là vô lý.

*- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lê Văn T1 thống nhất trình bày:*

Thống nhất với phần trình bày của các nguyên đơn về quan hệ huyết thống của cụ Lê Văn G1 và cụ Phạm Thị T4.

Về di sản thừa kế do cụ G1, cụ T4 để lại; những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có ý kiến như sau: quyền sử dụng đất có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là  $1.032,5\text{m}^2$  thuộc thửa đất số 119, tờ bản đồ B1-2 (DC18-3) tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương có 01 phần diện tích  $632,5\text{m}^2$  là do ông Lê Văn T1 khai phá, căn nhà trên đất cũng có nguồn gốc do ông T1 xây dựng, vì thời điểm năm 1963, cụ G1 được cấp đất thuộc áp chiến lược thì chỉ có diện tích  $400\text{m}^2$  (theo quy định chung thời điểm đó, mỗi hộ được cấp phần đất  $20 \times 20\text{m}$ ). Do đó, phần di sản thừa kế do cụ G1, cụ T4 để lại chỉ là quyền sử dụng phần đất có diện tích  $400\text{m}^2$ .

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến mà ông T1 đã trình bày trong quá trình tố tụng, cụ thể:

+ Không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Giữ nguyên các yêu cầu phản tố, phản tố bổ sung, bao gồm:

- Tuyên Di chúc ngày 01/12/2011, số công chứng 00013437, quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD được lập tại Văn phòng C1 vô hiệu.

- Yêu cầu được hưởng quyền sử dụng đất có diện tích 632,5m<sup>2</sup>, trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ONT và 432,5m<sup>2</sup> đất CLN.

- Đối với diện tích đất 400m<sup>2</sup> cấp cho hộ ông Lê Văn G1: ông T1 yêu cầu trừ ra phần diện tích 40m<sup>2</sup> (ngang 02m, dài 20m) do đã làm đường đi năm 2007; phần còn lại ông T1 yêu cầu được hưởng 10% diện tích (tương ứng 36m<sup>2</sup>) và 1/8 diện tích đất còn lại (chia đều cho 08 thành viên trong hộ) là 40,5m<sup>2</sup>, tổng diện tích đất ông T1 yêu cầu được nhận là 116,5m<sup>2</sup>.

- Yêu cầu chia phần di sản của cụ Phạm Thị T4 để lại là diện tích đất 40,5m<sup>2</sup> (trong đó có 12,5m<sup>2</sup> đất ONT và 28m<sup>2</sup> đất CLN) thành 09 phần; yêu cầu được nhận 1,39m<sup>2</sup> đất ONT và 3,11m<sup>2</sup> đất CLN, tổng cộng là 4,5m<sup>2</sup>.

- Yêu cầu chia phần di sản của cụ Lê Văn G1 để lại là phần đất có diện tích 45m<sup>2</sup> (kể cả phần thừa kế của cụ G1 từ cụ T4) cho 08 người con, yêu cầu được nhận 1,74m<sup>2</sup> đất ONT và 3,88m<sup>2</sup> đất CLN; tổng cộng là 5,62m<sup>2</sup>.

Tổng diện tích đất ông Lê Văn T1 yêu cầu được hưởng là 126,62m<sup>2</sup>.

- Yêu cầu mỗi người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Văn G1 và cụ Phạm Thị T4 (tổng cộng 08 người) phải đóng góp số tiền xây dựng mồ mả cho cụ G1, cụ T4 là 760.000.000 đồng, tương ứng số tiền 95.000.000 đồng/người; cụ thể: ông Lê Văn D, ông Lê Văn T, ông Lê Văn T3, bà Lê Thị L, bà Võ Thị Minh H, bà Võ Thị L1, bà Lê Thị G mỗi người phải trả cho ông Lê Văn T1 số tiền 95.000.000 đồng.

Thống nhất với yêu cầu độc lập của ông Lê Văn T3.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị G, bà Võ Thị L1 và bà Võ Thị Minh H thống nhất trình bày:*

Thống nhất với phần trình bày của các nguyên đơn về quan hệ huyết thống và phân di sản thừa kế của cụ Lê Văn G1.

Bà L1, bà G và bà H cũng thống nhất với toàn bộ ý kiến của ông T và ông D; cùng thống nhất tự nguyện gộp phần di sản được hưởng vào phần của ông D và ông T, đồng thời giao cho ông D và ông T quản lý, sử dụng.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T3 trình bày:*

Thống nhất với phần trình bày của bị đơn về quan hệ huyết thống và phân di sản thừa kế của cụ Lê Văn G1.

Về nội dung vụ án: ông T3 thống nhất với toàn bộ ý kiến của ông T1 và giữ nguyên yêu cầu độc lập, cụ thể:

+ Yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn G1 là quyền sử dụng đất có diện tích 400m<sup>2</sup> đất cho 08 người gồm: cụ Lê Văn G1, cụ Phạm Thị T4, ông Lê Văn T1, ông Lê Văn D, ông Lê Văn T, ông Lê Văn T3, ông Lê Nguyễn Anh D1 và ông Lê Nguyễn Anh T2; mỗi người được hưởng diện tích 50m<sup>2</sup> trong đó có 20m<sup>2</sup> đất ONT và 30m<sup>2</sup> đất CLN; giá trị 306.000.000 đồng.

+ Yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phạm Thị T4 là quyền sử dụng đất có diện tích 50m<sup>2</sup> đất cho 09 người gồm: cụ Lê Văn G1, bà Lê Thị L, bà Võ Thị Minh H, bà Võ Thị L1, bà Lê Thị G, ông Lê Văn T1, ông Lê Văn D, ông Lê Văn T, ông Lê Văn T3, mỗi người được hưởng 5,55m<sup>2</sup> trong đó có 2,22m<sup>2</sup> đất ONT và 3,33m<sup>2</sup> đất CLN có giá trị 52.614.000 đồng.

Ông T3 có đề nghị được xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Nguyễn Anh D1 và ông Lê Nguyễn Anh T2 thống nhất trình bày:*

Ông D1, ông T2 là con của ông Lê Văn T1, có cùng hộ khẩu với cụ Lê Văn G1 vào thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông D1 và ông T2 xác định không có công sức đóng góp gì vào phần di sản của cụ G1, đồng thời thống nhất với phần trình bày của bị đơn về quan hệ huyết thống và phần di sản thừa kế của cụ Lê Văn G1.

Ông D1 và ông T2 thống nhất với toàn bộ ý kiến của ông T1 và yêu cầu độc lập của ông T3, đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L trình bày:*

Thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống. Bà L yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần đất có diện tích 1.001,9m<sup>2</sup> (theo kết quả đo đạc thực tế là 1.032,5m<sup>2</sup>) nhưng có yêu cầu giữ nguyên căn nhà (do ông Lê Văn T1 xây dựng lại trên nền nhà cũ), trường hợp giao nhà cho ai quản lý, sử dụng để thờ cúng thì bà L tự nguyện giao kỹ phần mà bà được hưởng cho người đó. Đồng thời, đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C1 trình bày:*

Văn phòng C1 có tiến hành công chứng Di chúc số 00013437, quyển số 12 TP/CC-SCC/HĐGD do cụ Lê Văn G1 lập ngày 01/12/2011. Tại thời điểm công chứng, di chúc nêu trên hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật và thủ tục công chứng đảm bảo đúng quy định. Văn phòng C1 có văn bản đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- *Người làm chứng ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Trước đây, gia đình ông có sinh sống trên phần đất của ông Lê Văn G1, bây giờ là thửa đất số 119, tờ bản đồ B1-2 (DC18-3) tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đến năm 1977, gia đình ông N chuyển đi nơi khác sinh sống nên đã giao trả phần đất này cho cụ G1 và vợ là cụ T4 sử dụng cho đến khi cụ G1, cụ T4 chết. Ông N đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- *Người làm chứng ông Phan Văn T5 trình bày:*

Vào khoảng năm 1976, vợ chồng ông Phạm Văn C, bà Phan Thị T6 có bán cho ông Lê Văn T1 02 nền nhà có diện tích khoảng 650m<sup>2</sup> với giá 02 chỉ vàng 24k và bà T6 là người trực tiếp nhận vàng. Lúc đó, ông T5 có chứng kiến

sự việc bà T6 nhận vàng của ông T1 để bán phần đất nêu trên. Về nguồn gốc: ông T5 được biết nguồn gốc phần đất trên là của ông Phan Văn K. Trong thời gian chiến tranh vào khoảng năm 1965, bà Phạm Thị L3 (cô ruột của cụ Phạm Thị T4), ông Phạm Văn T7 (em ruột của cụ T4), bà Lê Thị M (em ruột của cụ G1) cùng xin đất của ông Phan Văn K để cất nhà ở gần. Sau ngày giải phóng 30/4/1975, chính quyền địa phương có cất lại nhà tôn cho bà L3, đến năm 1976, thì bà L3 chết, ông T7 có vợ chuyển đi nơi khác, bà M1 chuyển về quê chồng ở H, T. 03 nền nhà trên để trống, do đó gia đình của ông K (cụ thể là bà Phan Thị T6 – cháu nội ông K) lấy lại. Năm 1976, bà T6 đã bán cho ông T1 nền nhà của bà L3 và ông T7, ông T1 sử dụng từ đó đến nay. Nền nhà còn lại của bà M thì bà T6 và ông T5 canh tác đến năm 1980, bà T6 giao cho em trai là ông Phan Văn Đ quản lý và sử dụng cho đến nay. Ông T5 đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- *Người làm chứng ông Phạm Văn C trình bày:*

Sau ngày giải phóng, ông C và vợ là bà Phan Thị T6 (đã chết) có khai khẩn được một vài phần đất tọa lạc tại khu vực ngày nay thuộc khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vào khoảng năm 1976, ông Lê Văn T1 (là người con thứ 06 của cụ Lê Văn G1) đã hỏi vợ chồng ông C về việc muốn mua lại đất vì sát bên có một phần đất của cụ Lê Văn G1 đang canh tác có nguồn gốc do chế độ cũ cấp. Lúc đó, đất của vợ chồng ông C cũng nhiều, nhận thấy ông T1 có thiện chí nên đã bán cho ông T1 phần đất có diện tích khoảng 645m<sup>2</sup> với giá 02 chỉ vàng. Lúc đó, do là hàng xóm với nhau nên các bên không lập giấy tờ mua bán mà vợ chồng ông C chỉ nhận tiền và giao đất cho ông T1 sử dụng. Sau khi mua đất, ông C được biết ông T1 là người trực tiếp canh tác, sử dụng phần đất này. Ông C đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- *Người làm chứng ông Phan Văn Đ trình bày:*

Vào ngày 25/7/2007, ông Đ và ông Lê Văn T1 có thỏa thuận giải tỏa đất để làm đường giao thông nông thôn với diện tích 84,39m<sup>2</sup> (ngang 03m, dài 28,13m). Đến ngày 22/4/2011, hai bên tiếp tục thỏa thuận giải tỏa phần đất có diện tích 61,88m<sup>2</sup> (ngang 2,2m, dài 28,13m). Tổng diện tích đất thỏa thuận giải tỏa là 146,27m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng của ông Đ, phần đất này có giá trị khoảng 50.000.000 đồng nhưng trên thực tế ông Đ không nhận tiền từ ông T1, đổi lại ông T1 đứng ra làm đường và xây dựng lại hàng rào kiên cố cho gia đình ông Đ. Ông Đ đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- *Người làm chứng ông Nguyễn Tấn P2 trình bày:*

Ngày 01/12/2011, ông P2 được ông Lê Văn D nhờ đến Văn phòng C1 để chứng kiến việc cụ Lê Văn G1 lập di chúc. Vào thời điểm đó, ông P2 nhận thấy cụ G1 có sức khỏe tốt, trạng thái tinh thần minh mẫn. Ông P2 là người đọc lại toàn bộ nội dung di chúc cho cụ G1 nghe, cụ G1 hiểu rõ và đồng ý lãn tay, ký tên, có sự chứng kiến của ông P2. Ông P2 đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- *Người làm chứng ông Hồ Văn T8 trình bày:*

Ngày 01/12/2011, ông T8 được ông Lê Văn D nhờ đến Văn phòng C1 để chứng kiến việc cụ Lê Văn G1 lập di chúc. Vào thời điểm đó, ông T8 nhận thấy cụ G1 có sức khỏe tốt, trạng thái tinh thần minh mẫn. Ông P2 (đi cùng với ông T8) là người đọc lại toàn bộ nội dung di chúc cho cụ G1 nghe, cụ G1 hiểu rõ và đồng ý lãn tay, ký tên, có sự chứng kiến của ông T8 và ông P2. Ông T8 đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn D và ông Lê Văn T đối với bị đơn ông Lê Văn T1 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản” đối với di sản là  $\frac{1}{2}$  khu đất có diện tích  $4.347m^2$  cấp cho cụ Lê Văn G1 tọa lạc tại ấp H (nay là khu phố H), xã (nay là phường) T, huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn D và ông Lê Văn T đối với bị đơn ông Lê Văn T1 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Văn T1; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Lê Văn T3. Chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn G1 như sau:

- Ông Lê Văn T1 được hưởng phần đất có diện tích  $516,25m^2 + 85,04m^2 + 9,45m^2 + 11,8m^2 = 622,54m^2$  (có  $181,25m^2$  thổ cư). Do trong quá trình giải quyết vụ án ông T1 chết nên phần tài sản này được giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T1 (bao gồm các ông, bà: Nguyễn Thị Ngọc P1, Lê Nguyễn Anh D1 và Lê Nguyễn Anh T2).

- Ông Lê Văn D, ông Lê Văn T và ông Lê Văn T3, mỗi người được hưởng phần đất có diện tích:  $85,04m^2 + 9,45m^2 + 11,8m^2 = 106,29m^2$  (có  $31,25m^2$  đất ONT).

- Bà Lê Thị L, bà Lê Thị G, bà Võ Thị L1 và bà Võ Thị Minh H, mỗi người được hưởng phần đất có diện tích  $9,45m^2 + 11,8m^2 = 21,25m^2$  (có  $3,47m^2$  đất ONT).

- Do bà Lê Thị G, bà Võ Thị L1 và bà Võ Thị Minh H tự nguyện giao phần đất mà mình được hưởng cho ông T và ông D quản lý, sử dụng nên mỗi ông (T, D) được thêm phần diện tích đất  $(21,25m^2 \times \frac{3}{2}) = 31,88m^2$  (có  $5,21m^2$  đất ONT).

- Đối với các tài sản trên đất gồm 01 nhà ở có diện tích  $159,6m^2$ , 01 nhà ở có diện tích  $29,7m^2$ , 01 nhà tạm có diện tích  $40,5m^2$  và 01 nhà tạm có diện tích  $137,5m^2$ : các đương sự thống nhất tự thỏa thuận về việc sử dụng các tài sản trên đất (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 086931, số vào sổ H00125/BC ngày 16/3/2005 cấp cho hộ ông Lê Văn G1 để cấp lại cho các đương sự theo nội dung quyết định của bản án như đã nêu trên.



Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/8/2022, ông Lê Văn D và ông Lê Văn T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khởi kiện. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lê Văn T1 vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, biên bản phiên tòa không có chữ ký của chủ tọa phiên tòa. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn D và ông Lê Văn T, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ Văn phòng C1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lê Văn T1 là bà Nguyễn Thị Ngọc P1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L, ông Lê Văn T3; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lê Văn T1 đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Nguyễn Anh D1 và ông Lê Nguyễn Anh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn kháng cáo: ngày 18/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm vụ án. Ngày 24/8/2022, nguyên đơn ông D và ông T có đơn kháng cáo là kháng cáo trong hạn luật định.

[3] Về gửi hồ sơ vụ án và kháng cáo: Ngày 12/10/2022, ông D và ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nhưng đến ngày 11/4/2024 Tòa án cấp sơ thẩm mới chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm là đã vi phạm về thời hạn gửi hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 283 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng về tố tụng như sau:

[4.1] Ngày 05/8/2022, Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án và Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định tạm ngừng phiên tòa án định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 18/8/2022. Tuy nhiên, hồ sơ thể hiện không có biên bản nghị án, biên bản phiên tòa đối với phiên tòa ngày 05/8/2022.

[4.2] Ngày 18/8/2022, Tòa án cấp sơ thẩm mở lại phiên tòa. Theo hồ sơ thể hiện có biên bản phiên tòa nhưng không có chữ ký của Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

[4.3] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại Điều 236, Điều 259 và Điều 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo tục chung.

[6] Kháng cáo của nguyên đơn ông D và ông T là có cơ sở chấp nhận một phần.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 148, Điều 296, khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn T và ông Lê Văn D.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn ông Lê Văn T và ông Lê Văn D không phải chịu. Hoàn trả cho ông Lê Văn T, ông Lê Văn D mỗi người số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000574 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đinh Thị Mộng Tuyết**